

Bản án số: 901/2024/HC-PT

Ngày: 23 - 8 - 2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về giải quyết tranh chấp và giải quyết
khiếu nại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhật Bình

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 101/2024/TLPT-HC ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp và giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1864/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1007/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L (chết ngày 25/8/2017)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L:

1/. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1931; địa chỉ cư trú: đường D, phường P, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: đường D, phường P, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: đường D, phường P, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: đường số 339, khu phố 4, phường P, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: đường D, phường P, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/. Bà Nguyễn Thị Thúy M, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: làng T, khu phố 4, phường T1, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Thúy M: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: đường số 339, khu phố 4, phường P, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh - Văn bản ủy quyền được công chứng số 39621 ngày 27/11/2017, số 37112 ngày 07/11/2017, số 37106 và 37107 ngày 08/11/2017 tại Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị A: Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: đường N, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh - Văn bản ủy quyền được công chứng số 06720 ngày 24/8/2023 tại Văn phòng công chứng PP, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thúy M: Bà Trịnh Thị Phương Ph, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: đường S, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh - Văn bản ủy quyền được công chứng số 06726 ngày 24/8/2023 tại Văn phòng công chứng PP, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Bùi Văn T - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở: đường Tr, phường Th1, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hoàng T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố Th:

+ Bà Lê Thị Ph - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Ông Đỗ Tiến Đ – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở: đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Văn M – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm

1972; địa chỉ cư trú: đường D, phường P, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn V: Ông Huỳnh Hòa B, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú: đường số 441, khu phố 2, phường T1, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh - Văn bản ủy quyền được công chứng số 06715 ngày 24/8/2023 tại Văn phòng công chứng PP, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị A – người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện trình bày:

Các ông bà yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT ngày 26/06/2000 về giải quyết đơn tranh chấp đất và Quyết định số 431/QĐ-UB-TTr ngày 15/08/2003 về công bố kết quả phúc tra cuối cùng của Ủy ban nhân dân (UBND) Quận 9 (nay là UBND thành phố Th); Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 23/5/2012 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại, với lý do cụ thể sau:

Phần đất tranh chấp có diện tích 400m² nằm trong tổng diện tích 7.344m² thuộc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 2, xã P1, huyện Th (tài liệu 229/TTg) nay là phường P, Quận 9 có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Th (đã chết trước năm 1975) là cha ruột của ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị X đứng bộ. Trước và sau năm 1975 gia tộc ông Th trực tiếp quản lý sử dụng, năm 1978 có bán phần đất mặt để làm đường nên đất trở nên trũng sâu (ao, hãm), chỉ còn phần diện tích khoảng 400m². Năm 1983, ông L đăng ký theo chỉ thị 299/TTg toàn bộ diện tích 7.344m² đất nói trên. Năm 1997, ông Nguyễn Văn V là cháu cố ông Th có mượn gia tộc phần đất ao để nuôi cá và có cất một căn nhà mái tôn, vách lá, nền đất, diện tích 5m x 6m để ở.

Ngày 24/01/1999, ông Nguyễn Văn Q lập giấy tay với nội dung đồng ý cho cháu là Nguyễn Văn V 400m² đất tại tổ 9, phường P1, Quận 9. Tuy nhiên sau đó ông V đồng ý dỡ nhà trả lại đất cho con gái ông L là Nguyễn Thị A quản lý, sử dụng mà không có khiếu nại hay tranh chấp. Để rõ ràng về mặt pháp lý, ông L và những người liên quan đã gửi đơn khiếu nại yêu cầu giải quyết dứt điểm tranh chấp với ông V. Chủ tịch UBND Quận 9 nhận đơn, sau đó lại căn cứ vào giấy tay cho đất do ông Q lập trái pháp luật, ban hành Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT ngày 26/06/2000 bác nội dung đơn khiếu nại và cho ông V tiếp tục sử dụng phần diện tích 400m² đất nêu trên. Gia đình ông L khiếu nại nên Chủ tịch UBND Quận 9 trả lời theo Quyết định số 431/QĐ-UB-TTr ngày 15/08/2003 công bố kết quả phúc tra và giữ nguyên nội dung Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT ngày 26/06/2000.

Gia đình ông L tiếp tục khiếu nại, được Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 23/5/2012 với nội dung giữ nguyên Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT ngày 26/06/2000 và Quyết định số 431/QĐ-UB-TTr ngày 15/08/2003 của UBND Quận 9.

Các quyết định trên là không đúng quy định của pháp luật do Biên bản hòa giải của UBND phường P lập ngày 13/8/1999 không đúng thành phần, không có đầy đủ chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định. Hòa giải chưa có kết quả nhưng UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT ngày 26/06/2000 là sai. Nội dung quyết định công nhận quyền sử dụng đất cho ông V là không đúng quy định của khoản 2 Điều 31 Luật Đất đai năm 1993 về trình tự thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, khoản 4 Điều 131 Bộ luật dân sự 1999 về hình thức giao dịch, Điều 707 Bộ luật dân sự 1993 về hình thức chuyển nhượng. Giấy cho đất ngày 24/01/1999 do những người không có quyền sử dụng vẫn ký tên cho nhưng Ủy ban vẫn công nhận là sai. Yêu cầu Tòa án tuyên hủy bỏ các quyết định trên.

Tại văn bản số 5927/UBND-TNMT ngày 10/9/2021 và số 3747/UBND-TNMT ngày 05/7/2023 người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

Nguồn gốc khu đất: Có tổng diện tích là 7.344m², thuộc một phần thửa 314, tờ bản đồ số 2 (Tài liệu 299/TTg), phường P do ông Nguyễn Văn Th đứng bộ trước năm 1975. Từ trước và sau năm 1975, gia tộc ông Th quản lý, sử dụng. Năm 1978, đã bán phần đất mặt để làm đường nên đất trở thành trũng sâu (ao, hầm) còn lại khoảng 400m².

Năm 1983, ông Nguyễn Văn V là cháu cố ngoại của ông Th mượn phần đất ao để nuôi cá và đã cất căn nhà bằng mái tôn, vách lá, nền đất có diện tích 30m² để ở. Tháng 7/1999, gia tộc ông L yêu cầu tháo dỡ nhà, trả đất nhưng ông V không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. UBND phường P đã tiến hành hòa giải giữa những người có liên quan nhưng không thành.

Năm 1999, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị X nộp đơn tranh chấp đòi đất với ông Nguyễn Văn V phần đất có diện tích 400m² phường P, Quận 9. Quá trình giải quyết UBND Quận 9 nhận thấy ông L, ông Q, Bà N, bà X đã tự nguyện đồng ý cho ông V phần đất có diện tích 400m², việc cho phần đất này được thể hiện tại giấy tay lập ngày 24/01/1999 có xác nhận của Tổ trưởng tổ dân phố và Cảnh sát khu vực, do đó việc khiếu nại, tranh chấp đòi lại phần diện tích 400m² nêu trên là không có cơ sở xem xét nên đã ban hành Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT ngày 26/6/2000 về việc giải quyết đơn tranh chấp đất với nội dung: “*Bác nội dung đơn của ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị N về việc khiếu nại tranh chấp đòi lại phần đất có diện tích 400m² thuộc thửa 314, tờ bản đồ số 2 (Tài liệu 299/TTg) tọa lạc tại phường P*”.

Năm 2003, gia tộc ông L khiếu nại Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT với lý do các chữ ký trong giấy cho đất là giả tạo. Căn cứ vào kết quả giám định tại Công

văn số 1962/C21.CIII ngày 01/7/2003 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an, Công an Quận 9 có Công văn số 149/CV.CAQ9 (CSĐT) ngày 03/7/2003 nội dung: “*Kết quả giám định chữ ký tên của các ông bà Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị X và Nguyễn Văn Q trên giấy tay cho đất ông Nguyễn Văn V ngày 24 tháng 01 năm 1999 được xác định như sau: Chữ ký của bà Nguyễn Thị X là do cùng một người ký ra; Chữ ký của bà Nguyễn Thị N là do cùng một người ký ra; Chữ ký của ông Nguyễn Văn L là do cùng một người ký ra; Chữ ký của ông Nguyễn Văn X (trên giấy tay) và Nguyễn Văn S với mẫu giám định có dạng khác nhau nên không giám định được; Riêng ông Nguyễn Văn Q (đã thừa nhận) là chữ ký trên giấy tay cho đất ông V là của ông nên không phải giám định*”.

Ngày 15/8/2003, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 431/QĐ-UB-TTr về việc công bố kết quả phúc tra về giải quyết đơn tranh chấp với nội dung “*Giữ nguyên Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT*”.

Gia tộc ông Th (ông L) tiếp tục khiếu nại. Ngày 23/5/2012, Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2641/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại với nội dung: “*Công nhận nội dung Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT ngày 26 tháng 6 năm 2000 và Quyết định số 431/QĐ-UB-TTr ngày 15 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị X với ông Nguyễn Văn V là đúng quy định pháp luật*”.

UBND thành phố Th xác định Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT ngày 26/6/2000 và Quyết định số 431/QĐ-UB-TTr ngày 15/8/2003 về việc công bố kết quả phúc tra Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của người khởi kiện.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V trình bày: Yêu cầu giữ nguyên Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT ngày 26/6/2000 về giải quyết đơn tranh chấp đất và các quyết định khác của người bị kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1864/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L (*Chết ngày 25/8/2017*) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Thúy M về việc hủy các quyết định: Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT ngày 26/06/2000 về giải quyết đơn tranh chấp đất và Quyết định số 431/QĐ-UB-TTr ngày 15/08/2003 về công bố kết quả phúc tra cuối cùng của Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là thành phố Th) Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định giải quyết khiếu nại số 2641/QĐ-UBND

ngày 23/5/2012 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/10/2023, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện bà Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị A có ý kiến xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V (có ông Huỳnh Hòa B đại diện theo ủy quyền) không chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của phía người khởi kiện; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Do người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý việc rút lại đơn khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị A; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị A làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà Nguyễn Thị A đại diện cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn L có ý kiến xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V (có ông Huỳnh Hòa B đại diện theo ủy quyền) không chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của phía người khởi kiện. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 234 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Thửa đất tranh chấp có diện tích 400m² nằm trong khu đất có tổng diện tích là 7.344m², thuộc một phần thửa 314, tờ bản đồ số 2 (Tài liệu 299/TTg), phường

P có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Th (đã chết trước năm 1975) là cha ruột của ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị X đứng bộ. Sau năm 1975 do gia tộc ông Th quản lý sử dụng. Năm 1999, ông Nguyễn Văn L đứng tên kê khai sử dụng đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1983, ông Nguyễn Văn V là cháu cố ngoại của ông Th mượn một phần đất cất nhà để ở, được xác định là phần đất tranh chấp hiện nay. Ngày 24/01/1999, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị N lập giấy tay cho ông Nguyễn Văn V phần diện tích đất 400m² và cam kết không tranh chấp, khiếu nại về sau. Giấy cho đất lập ngày 24/01/1999 có xác nhận của Tổ trưởng tổ dân phố ngày 26/01/1999 và của Cảnh sát khu vực ngày 03/02/1999. Căn cứ trên giấy cho đất này, ngày 26/6/2000, UBND Quận 9 đã ban hành Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT giải quyết tranh chấp đất đai với nội dung bác đơn có ông L, ông Q, bà X, bà N đối với ông Nguyễn Văn V.

Năm 2003, gia đình ông L khiếu nại cho rằng chữ ký của các ông bà trên giấy cho đất là giả mạo. UBND Quận 9 tiến hành phúc tra lại, trong đó có tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của gia đình ông L trong giấy tặng cho đất. Theo kết quả giám định tại Công văn số 1962/C21.CIII ngày 01/7/2003 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an thì: *“Kết quả giám định chữ ký tên của các ông bà Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị X và Nguyễn Văn Q trên giấy tay cho đất ông Nguyễn Văn V ngày 24 tháng 01 năm 1999 được xác định như sau: Chữ ký của bà Nguyễn Thị X là do cùng một người ký ra; Chữ ký của bà Nguyễn Thị N là do cùng một người ký ra; Chữ ký của ông Nguyễn Văn L là do cùng một người ký ra; Chữ ký của ông Nguyễn Văn X (trên giấy tay) và Nguyễn Văn S với mẫu giám định có dạng khác nhau nên không giám định được; Riêng ông Nguyễn Văn Q (đã thừa nhận) là chữ ký trên giấy tay cho đất ông V là của ông nên không phải giám định”*. Trên cơ sở đó, ngày 15/8/2003, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 431/QĐ-UB-TTr công bố kết quả phúc tra, giữ nguyên Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT. Ông L khiếu nại thì được Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 23/5/2012 giải quyết với nội dung giữ nguyên Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT và Quyết định số 431/QĐ-UB-TTr của UBND Quận 9.

Xét thấy, đất tranh chấp có nguồn gốc của gia tộc ông Nguyễn Văn L; tuy nhiên những người trong gia tộc ông L đã lập giấy tặng cho ông V, đã được được giám định chữ ký theo quy định. Hiện nay, giấy cho đất này không bị cơ quan hoặc Tòa án có thẩm quyền tuyên hủy, do đó UBND Quận 9 (nay là thành phố Th) bác yêu cầu đòi lại đất của ông Nguyễn Văn L; Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh bác khiếu nại đối với quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của UBND Quận 9 (nay là UBND thành phố Th) là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị A không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị A.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1864/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Luật Đất đai năm 1993; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L (*Chết ngày 25/8/2017*) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Thúy M về việc hủy các quyết định: Quyết định số 98/QĐ-UB-QLĐT ngày 26/06/2000 về giải quyết đơn tranh chấp đất và Quyết định số 431/QĐ-UB-TTr ngày 15/08/2003 về công bố kết quả phúc tra cuối cùng của Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức) Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định giải quyết khiếu nại số 2641/QĐ-UBND ngày 23/5/2012 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004229 ngày 13/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vào phần án phí phải chịu.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. HCM (1);
- TAND TP. HCM (1);
- VKSND TP. HCM (1);
- Cục THADS TP. HCM (1);
- Đương sự (9);
- Lưu VP (5), HS (2).21b.NTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng